

Bản án số: **08/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/5/2019

Về việc: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Vũ Linh**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Chung**.

2. Ông **Trương Tha**.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Bích** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc “*Ly hôn*”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 giữa:

\* **Nguyên đơn: Ông VÕ VĂN T** – Sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn Nội M, xã Ninh Đ, thị xã NH, tỉnh KH.

Có mặt tại phiên tòa.

\* **Bị đơn: Bà PHẠM THỊ T** – Sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn Nội M, xã Ninh Đg, thị xã NH, tỉnh KH.

Có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn - ông Võ Văn T trình bày:* Ông và bà Phạm Thị T tự nguyện tìm hiểu và quyết định chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Đ vào năm 1990. Trong thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình nên thường xuyên cãi nhau, bà T dạy dỗ con nhưng nuông chiều dẫn đến việc con cái hỗn hào với ông, điều đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng trở nên nghiêm trọng hơn, hiện vợ chồng đã không còn sống chung hơn 01 năm nay. Ông không còn tình cảm nên yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Võ Văn T - sinh năm: 1990 nay đã trưởng thành và Võ Thị Như Q - sinh ngày: 09/11/2002. Ông yêu cầu bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Và tại phiên tòa hôm nay ông vẫn giữ nguyên những yêu cầu trên.

*Trong bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn - bà Phạm Thị T trình bày:* Về tình trạng hôn nhân và con chung đúng như ông T đã trình bày. Trong phiên hòa giải trước đây, bà không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa hôm nay bà xác định không còn tình

cảm vợ chồng nên đồng ý ly hôn ông T, đồng ý trực tiếp nuôi con chung Võ Thị Như Q - sinh ngày: 09/11/2002 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Nguyên đơn ông Võ Văn T yêu cầu giải quyết ly hôn với bà Phạm Thị T trú tại địa chỉ: Thôn Nội M, xã Ninh Đ, thị xã Ninh H, tỉnh KH nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thị xã Ninh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Xét tình trạng hôn nhân: Ông Võ Văn T và bà Phạm Thị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn năm 1990 tại UBND xã Ninh Đ, thị xã NH, tỉnh KH nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống vợ chồng giữa ông T và bà T xảy ra mâu thuẫn đã lâu, ông T đã bỏ đi về nhà mẹ ruột sống hơn 01 năm cho đến nay. Hiện tại tự mỗi người lo cho cuộc sống riêng của mình, không ai quan tâm chăm sóc đến ai, ông T đã hết tình cảm với bà T, bản thân bà T cũng nhận biết được điều đó và bà cho rằng ông T thường xuyên nhậu say về nhà chửi bới, đánh đập bà, chỉ mình bà quán xuyến mọi việc trong gia đình. Xét hôn nhân giữa ông T và bà T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông T và bà T thuận tình ly hôn tại phiên tòa là tự nguyện, là phù hợp theo quy định tại điều 55 Luật Hôn nhân gia đình nên công nhận.

*Về con chung:* Ông Võ Văn T và bà Phạm Thị T có 02 con chung là Võ Văn T - sinh năm: 1990 nay đã trưởng thành và Võ Thị Như Q - sinh ngày: 09/11/2002. Thỏa thuận tại phiên tòa về người trực tiếp nuôi con chung: bà Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Võ Thị Như Q - sinh ngày: 09/11/2002 sau khi ly hôn và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Sự thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình nên công nhận.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, ông T được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Ông Võ Văn T và bà Phạm Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Ông Võ Văn T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ST – HNGĐ theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Võ Văn T và bà Phạm Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung Võ Thị Như Q - sinh ngày: 09/11/2002 cho bà Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Võ Văn T do bà T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, ông Thuận được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Võ Văn T và bà Phạm Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Ông Võ Văn T phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/0006376 ngày 12/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Ninh Hòa. Ông T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TX. Ninh Hòa;
- Chi cục THADS TX. Ninh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(ký và đóng dấu)*

**Nguyễn Vũ Linh**